

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định

I. Kết quả đạt được

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; ban hành: Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 về Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3318/UBND-KT ngày 14/6/2022 về sử dụng kết quả chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; Kế hoạch số 121/KH-HĐPH ngày 24/5/2022 về kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Đồng thời, thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trong đó, xác định nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhằm triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các quy định mới trong công tác này.

Để triển khai nội dung tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tham gia cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025. Trong năm 2022, Sở Tư pháp cũng đã kết hợp quán triệt, triển khai nội dung tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 thông qua hoạt động chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022. Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số

842/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 18/08/2022 hướng dẫn tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 890/STP-PBGDPL&TDTHPL ngày 30/8/2022 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bảng tiêu chí phường, thị trấn; thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh.

Với các văn bản được ban hành, UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo hướng tiếp tục quán triệt, tăng cường thông tin, truyền thông, phổ biến sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, nội dung của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đúng quy định, góp phần bảo đảm thực hiện quyền được thông tin về pháp luật của công dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật gắn với phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương. Đồng thời, hướng dẫn việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng cần chú trọng đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục hạn chế, khó khăn; phấn đấu đạt kết quả cao hơn.

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tại cấp xã.

2. Triển khai thông tin, truyền thông, tập huấn

Thực hiện Quyết định số 419/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-STP ngày 09/3/2022 về việc tổ chức Hội nghị triển khai, phổ biến Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và ngày 24/3/2022, Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị tập huấn về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật dưới hình thức trực tuyến cho hơn 300 đại biểu là đại diện lãnh đạo UBND và công chức Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố; đại diện lãnh đạo UBND và công chức Tư pháp - Hộ tịch được phân công thực hiện nhiệm vụ theo dõi, triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của 159 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã kịp thời triển khai các quy định mới trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh.

Năm 2022, 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch và tổ chức các hoạt động cụ thể để triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn quản lý.

Ngoài ra, các quy định mới trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng được đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền đến các cơ quan chính quyền, cán bộ, công chức và Nhân dân thông qua các tin, bài trên Báo Bình Định, chuyên mục Pháp luật và Đời sống trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, hệ thống loa, đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở và nhiều hình thức khác phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, đời sống sản xuất của người dân.

3. Tổ chức kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Thực hiện Kế hoạch số 121/KH-HĐPH ngày 24/5/2022 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh về kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022, Đoàn Kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã kiểm tra công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 02 đơn vị cấp xã: UBND xã Canh Vinh (huyện Vân Canh); UBND xã Phước Quang (huyện Tuy Phước) và 02 đơn vị cấp huyện: UBND huyện Vân Canh; UBND huyện Tuy Phước. Qua đó cho thấy, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở các đơn vị được kiểm tra cơ bản đều đảm bảo theo quy định; nhiều vấn đề hạn chế, tồn tại được xác định, đánh giá về nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân ở các địa phương.

Tại các huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng Phối hợp PBGDPL cấp huyện cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn, đảm bảo đúng yêu cầu, kế hoạch đề ra.

Đồng thời, thông qua Hội nghị trực tuyến tập huấn về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác này đã được các đại biểu trao đổi, giải đáp trực tiếp, trên cơ sở đó triển khai các giải pháp khắc phục trên tất cả các lĩnh vực: PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở,...

4. Bố trí nguồn lực thực hiện

Ở cấp tỉnh: Sở Tư pháp có chức năng tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật - Theo dõi thi hành pháp luật là phòng chuyên môn có nhiệm vụ trực tiếp tham mưu triển khai thực hiện các nội dung của công tác này.

Ở cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã chỉ đạo Phòng Tư pháp phân công 01 công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn các quy định về đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

UBND các xã, phường, thị trấn cũng bố trí 01 lãnh đạo UBND cấp xã và 01 công chức Tư pháp theo dõi chung và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các công chức chuyên môn (*Công an, Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Văn hóa - Xã hội, Tài chính - Kế toán*) theo dõi, xây dựng, đánh giá các tiêu chí thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách.

Kinh phí đảm bảo cho hoạt động xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương; nguồn kinh phí hỗ trợ theo các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hỗ trợ khác.

5. Kết quả tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Thực hiện quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Năm 2022, UBND 11 huyện, thị xã, thành phố đã thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và tiến hành đánh giá, ban hành Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, báo cáo kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn. Theo đó, có 158 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 và 01 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022. (*Danh sách cụ thể được thể hiện trong Phụ lục kèm theo*)

II. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

1. Thuận lợi

- Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được ban hành kịp thời, đầy đủ, có chất lượng.

- Việc triển khai xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã được UBND các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tương đối nghiêm túc, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và đúng quy định.

- Các Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật hoạt động ngày càng hiệu quả, thực chất, có trách nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng trong đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện các phong trào, các cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây*

dựng đời sống mới”, “Chung tay xây dựng nông thôn mới”,... do Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

2. Khó khăn, hạn chế

- Thời gian lập hồ sơ đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP quá ngắn, gây khó khăn cho các địa phương trong việc củng cố, xác lập hồ sơ.

- Trong quá trình thực hiện chấm điểm, các xã, phường, thị trấn còn lúng túng trong việc phân công nhiệm vụ cho bộ phận chuyên môn chấm điểm ở một vài chỉ tiêu như: Chỉ tiêu 01 của Tiêu chí 02, Tiêu chí 04 trong Phụ lục 1 Thông tư số 09/2021/TT-BTP;

- Việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm nhiều lĩnh vực, yêu cầu tài liệu đánh giá nhiều, tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác này còn rất hạn hẹp, công việc nhiều, trình độ chuyên môn chưa đồng đều, vì vậy, việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật vẫn còn hạn chế, chất lượng chưa cao.

- Thời gian hoàn thiện hồ sơ của UBND cấp xã, cấp huyện còn chậm; công tác xây dựng, đảm bảo các tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật vẫn chưa được chú trọng đúng mức, chỉ tập trung vào hoạt động đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí, do đó, công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa phản ánh đúng tình hình thực tiễn về tiếp cận pháp luật ở địa phương.

3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

- Các biểu mẫu thực hiện đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP là khá nhiều và phức tạp; đặc biệt đối với các địa phương có nhiều đơn vị hành chính cấp xã;

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa thật sự chú trọng, nhận thức rõ về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; việc tổ chức, triển khai các quy định pháp luật còn chủ quan, mang tính hình thức, chưa bám sát nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận pháp luật;

- Ở một số địa phương, sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn thiếu chặt chẽ nên kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thiếu tính tổng thể, toàn diện;

- Một số công chức ở cấp xã còn hạn chế, chưa nắm rõ về nội dung của các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; do đó, việc tham mưu xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật vẫn còn hạn chế.

III. Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian đến

1. Mục tiêu thực hiện

- 100% các xã, phường, thị trấn đạt các tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật;
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin của người dân, góp phần xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

- Các cấp ủy, chính quyền đẩy mạnh việc quán triệt, triển khai thực hiện các quy định mới về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tác động của công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; xác định rõ đây là một trong những tiêu chí để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới, phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” và đánh giá thi đua khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã (quy định tại Điều 3 của Quyết định 25/2021/QĐ-TTg). Tăng cường và thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

- UBND cấp huyện xây dựng và chỉ đạo UBND cấp xã ban hành Kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với việc xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị ngay từ đầu năm. Nghiên cứu, nắm rõ nội dung, yêu cầu của từng chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo hiệu quả trong việc xây dựng, đánh giá; làm tốt công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở; hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện việc nâng cao điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở.

- Thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật tăng cường hơn nữa công tác phối hợp trong việc xây dựng, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân và đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong việc tổ chức triển khai xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đảm bảo việc xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo đúng quy định, thẩm quyền, thực chất, đạt mục đích đề ra, nhất là trong xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã, nhất là công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho đội ngũ công chức cấp xã.

- Quan tâm đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Kêu gọi, khuyến khích các nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Bộ Tư pháp sớm tổ chức tập huấn, hướng dẫn, triển khai các quy định mới về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; ban hành các Sổ tay hướng dẫn về công tác này nhằm kịp thời phục vụ cho hoạt động xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở cơ sở; nâng cao hiệu quả, chất lượng đánh giá các tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật của các xã, phường, thị trấn.

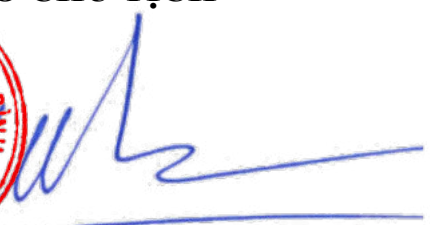
Trên đây là kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tư pháp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục PBGDPL (BTP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K11. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tự Công Hoàng

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khieu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Trung																					
	Phường Đồng Đa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	00	100	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Nhon Bình	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	00	100	100	100	100	100	98	96,29	99,8
	Phường Trần Quang Diệu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	83,3	96	100	100	100	100	100	100	100	99,76
	Phường Bùi Thị Xuân	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	83,3	100	100	100	100	100	100	100	100	99,72
	Phường Trần Hưng Đạo	100	100	100	100	100	100	100	98	100	100	100	100	00	100	100	100	100	100	100	100	99,97
	Phường Lê Lợi	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	00	100	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Hải Cảng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	66,7	100	0	100	100	100	100	100	100	100

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Phường Trần Phú	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	84,98
	Phường Lê Hồng Phong	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Thị Nại	100	100	99	100	99	99	100	99	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Nhơn Phú	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	99%	99,8	99,9
	Phường Ghềnh Ráng	100	99	99	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99,9
	Xã Nhơn Hải	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99,9
	Xã Phước Mỹ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Nhơn Châu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Nhơn Lý	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	88,9	100	0	0	100	100	100	100	100	100	98,11

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Nhơn Hội	100	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	93,33	100	0	100	100	100	100	100	100	99,83
2	Thị xã An Nhơn																					
	Phường Bình Định	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	94,7	100	100	100	100	100	100	100	100	99,6
	Phường Nhơn Hòa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	86	100
	Phường Nhơn Thành	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Đập Đá	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	100	90	100	100	100	100	95	100	100	100
	Xã Nhơn Hậu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	94,7	100	100	100	100	100	100	96	100	100
	Xã Nhơn Mỹ	100	100	100	100	95	100	100	100	100	100	93	92,5	100	100	100	100	100	100	99,6	95	100
	Phường Nhơn Hưng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	91,6	100	100	100	81,25	100	100	100	100	100	100	99,4
	Xã Nhơn Lộc	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	96,5	100	92

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Nhơn Phúc	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99,65
	Xã Nhơn Hạnh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	80	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99,65
	Xã Nhơn Tân	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	94	91
	Xã Nhơn Phong	100	100	100	100	95	100	100	92	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Nhơn An	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	97,5	98	100	100	100	100	100	96	100	100	99,2
	Xã Nhơn Khánh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	91	100	100	100	100	100	95,6	100	94	95
	Xã Nhơn Thọ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	80	80	100	100	100	100	100	100	100	100	99,9
3	Huyện Tuy Phước																					
	Thị trấn Tuy Phước	97	100	100	100	95	100	100	95	100	100	100	100	90	100	95	100	95	100	100	100	100
	Thị trấn Diêu Trì	97	100	100	100	95	100	100	95	100	100	100	100	90	100	95	100	100	100	100	100	100
	Xã Phước Thành	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	90	90	100	97	100	95	100	100	100	100

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị xử phạt vi phạm hành chính, bị xử phạt theo quy định của pháp luật	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Phước An	97	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	90	100	97	100	100	95	100	100	100
	Xã Phước Lộc	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	80	100	100	95	100	95	100	100	100	100
	Xã Phước Thuận	97	100	100	100	95	100	100	90	100	100	100	80	90	100	95	100	100	100	95	95	100
	Xã Phước Sơn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Phước Hiệp	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	97	100	100	100	100	100	100
	Xã Phước Nghĩa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	100	100	100
	Xã Phước Hưng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	98	100	95	100	100	100	100
	Xã Phước Quang	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	97	100	95	100	100	100	100
	Xã Phước Hòa	97	100	100	100	95	100	100	100	100	100	100	50	90	100	95	100	95	100	100	100	100

[illegible]

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch, phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch, phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Thị trấn Vĩnh Thạnh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	70	100	100	100	90	90	100	100	100	99,89
	Xã Vĩnh Hiệp	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	50	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Vĩnh Sơn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	80	100	100	100	80	100	100	100	100	99,54
	Xã Vĩnh Hòa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	80	100	100	100	100	100	100	100	100	99,84
	Xã Vĩnh Kim	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	50	100	100	100	80	100	100	100	100	100
	Xã Vĩnh Hảo	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	70	100	100	100	100	100	100	100	100	99,33
	Xã Vĩnh Thịnh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	80	100	100	100	100	100	100	100	100	99,95
	Xã Vĩnh Quang	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Vĩnh Thuận	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
6	Huyện Tây Sơn																					
	Thị trấn Phú Phong	100	99	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bản, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bản, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Tây Xuân	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Bình Tường	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Vĩnh An	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Bình Thành	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	95	84	0	100	100	100	100	100	95	100	99
	Xã Bình Hòa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	99	99	95	100	99
	Xã Bình Thuận	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Tây Phú	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	99	100	100	100	100
	Xã Bình Nghi	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	99	99	100	100	100	99
	Xã Tây An	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	62	0	100	100	99	99	100	95	100	99
	Xã Bình Tân	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	93	0	100	100	99	99	100	100	100	99
	Xã Tây Bình	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	0	100	100	99	99	100	100	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khieu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Tây Vinh	100	99	99	99	100	100	100	100	99	100	100	67	0	100	100	99	99	100	100	100	99
	Xã Tây Thuận	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	99	99	99	100	100	99
	Xã Tây Giang	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	94	0	100	100	89	89	99	100	85	99
7	Huyện Phù Cát																					
	Thị trấn Ngô Mây	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	99	100	100	100	100	100	89	89	99
	Xã Cát Trinh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	89	100	99
	Xã Cát Tân	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100	100	100	100	100	89	89	99
	Xã Cát Tường	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100	100	100	100	100	89	100	99
	Xã Cát Nhon	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100	100	100	100	100	99	100	99
	Xã Cát Hưng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Cát Thắng	100	99	99	100	89	99	100	100	100	89	100	99	100	100	100	89	89	89	79	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bản, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bản, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Cát Chánh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99
	Thị trấn Cát Tiến	100	99	100	100	99	99	99	100	100	89	100	100	100	100	100	99	89	99	89	89	99
	Xã Cát Hải	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99	49	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Cát Thành	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	89	100	99
	Xã Cát Khánh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99	49	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Cát Minh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	79	49	100	100	100	100	100	89	99
	Xã Cát Tài	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	79	99	100	100	100	100	100	89	99
	Xã Cát Hanh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	79	49	100	100	100	100	89	100	99
	Xã Cát Hiệp	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	69	100	100	100	100	100	100	89	100	99
	Xã Cát Lâm	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	79	100	100	100	100	100	100	89	99	99
	Xã Cát Sơn	100	100	100	100	100	100	100	99	100	99	100	100	79	49	100	100	99	99	89	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
8	Huyện Phù Mỹ																					
	Thị trấn Phù Mỹ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Thị trấn Bình Dương	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	80	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Mỹ Thọ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Mỹ Hiệp	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	75	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Mỹ Chánh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	88,2	80	100	100	100	100	100	92	100	100
	Xã Mỹ Đức	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	83,3	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Mỹ Thành	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	80	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Mỹ Thắng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	88	75	100	100	100	100	100	55	100	98,8
	Xã Mỹ Châu	100	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % kiểu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã Hoài Châu Bắc	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	67	100	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Hoài Hải	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	91	0	100	100	100	100	95	100	100	99
	Xã Hoài Phú	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	63	0	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Hoài Sơn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	64	0	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Hoài Mỹ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	75	100	0	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Hoài Châu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	83	0	0	100	100	100	100	100	100	100
	Phường Tam Quan Nam	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	99
	Phường Tam Quan	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	95	100	99
	Phường Bồng Sơn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	93	100	100	0	100	100	100	100	100	91,3	100	100
	Phường Hoài Tân	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	71	100	100	100	100	100	100	97	100	99

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị xử trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khieu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Hồ																					
	Xã Ân Thạnh	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	72	100	100	100	100	99	100	100	100	100
	Xã Ân Hảo Đông	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	73	100	100	100	100	100	100	100	88	99
	Xã Ân Hữu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Ân Tường Đông	100	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	58	100	100	100	100	89	100	100	100	100
	Xã Ân Hảo Tây	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	50	0	100	100	100	100	100	100	86	99
	Xã Ân Nghĩa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã Ân Sơn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	100	99
	Xã Ân Mỹ	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	100	100	100	100	100	85	99
	Xã Ân Tường Tây	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	60	0	100	100	100	100	100	100	89	99
	Xã Bok Tới	100	99	99	100	100	100	100	100	100	100	100	66	0	100	100	100	100	100	100	98	99

[illegible]

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2									Tiêu chí 3					Tiêu chí 4			Tiêu chí 5		
		Tỷ lệ % văn bản hành chính ban hành đúng quy định	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm	Tỷ lệ % thông tin công khai chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin công khai đúng hình thức	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng thời hạn	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	Tỷ lệ % thông tin cung cấp theo yêu cầu đúng hình thức	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % nhiệm vụ triển khai phát sinh ngoài Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Tỷ lệ % tuyên truyền viên pháp luật bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải thành	Tỷ lệ % tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí theo đúng mức chi	Tỷ lệ % vụ, việc hòa giải được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên theo đúng mức chi	Tỷ lệ % người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị xử trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết	Tỷ lệ % nội dung Nhân dân tham gia ý kiến	Tỷ lệ % kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định	Tỷ lệ % thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Xã An Trung	100	100	100	100	100	100	100	95	100	100	100	90,9	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã An Dũng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	75	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Xã An Hưng	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	95	95	95	95
	Xã An Toàn	90	95	95	100	100	95	90	95	95	95	100	90	100	100	90	90	95	100	95	100	100

II. Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo điểm số tại Phụ lục I

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5
-----	------------	------------	------------	------------	------------	------------

		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TP. Quy Nhơn											
	Phường Nguyễn Văn Cừ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Ngô Mây	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Lý Thường Kiệt	3	1	2	3	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Quang Trung	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Đống Đa	3	1	2	3	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Nhơn Bình	3	1	2	5	3	0	2	4	3	5	6
	Phường Trần Quang Diệu	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Bùi Thị Xuân	3	1	1	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Trần Hưng Đạo	3	1	2	5	3	1	2	3	3	5	6
	Phường Lê Lợi	3	1	2	5	3	1	2	1	3	5	6
	Phường Hải Cảng	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Trần Phú	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Lê Hồng Phong	3	1	1	3	3	0	2	4	3	5	6
	Phường Thị Nại	3	1	2	3	3	0	2	4	3	5	6
	Phường Nhơn Phú	3	1	2	0	3	1	2	4	3	5	6
	Phường Ghềnh Ráng	3	1	2	5	3	0	2	4	3	0	6
	Xã Nhơn Hải	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6

[illegible]

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Thị trấn Tuy Phước	3	1	2	5	2	3,5	3	5	3	5	6
	Thị trấn Diêu Trì	3	1	2	5	2	3,5	3	5	3	5	6
	Xã Phước Thành	3	1	2	5	2	3,5	3	5	3	5	6
	Xã Phước An	3	1	2	5	3	3,5	3	5	3	5	6
	Xã Phước Lộc	3	1	2	5	3	4	3	5	3	0	6
	Xã Phước Thuận	3	1	2	5	2	3,5	3	5	3	5	6
	Xã Phước Sơn	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
	Xã Phước Hiệp	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
	Xã Phước Nghĩa	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
	Xã Phước Hưng	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
	Xã Phước Quang	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
	Xã Phước Hòa	3	1	2	5	2	3,5	3	5	3	5	6
	Xã Phước Thắng	3	1	2	5	2	3,5	3	5	3	5	6
4	Huyện Vân Canh											
	Thị trấn Vân Canh	3	1	1	5	3	0	3	4	2,5	5	6
	Xã Canh Vinh	3	1	1	5	2	0	3	3	2,5	5	6
	Xã Canh Hiên	3	1	1	5	0	0	3	4	2,5	5	6
	Xã Canh Hiệp	3	0,5	1	5	2	0	3	2	2,5	5	6
	Xã Canh Thuận	3	1	1	5	3	0	3	4	2,5	5	6
	Xã Canh Hòa	3	0,5	1	5	3	0	0	1	2,5	5	6
	Xã Canh Liên	3	1	1	3	0	0	3	3	2,5	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Huyện Vĩnh Thạnh											
	Thị trấn Vĩnh Thạnh	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Vĩnh Hiệp	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Vĩnh Sơn	3	1	1	0	3	0	1	3	3	5	6
	Xã Vĩnh Hòa	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Vĩnh Kim	3	1	1	0	3	1	1	3	3	5	6
	Xã Vĩnh Hào	3	1	1	0	3	1	0	5	3	5	6
	Xã Vĩnh Thịnh	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Vĩnh Quang	3	1	1	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Vĩnh Thuận	3	1	1	0	3	1	0	5	3	5	6
6	Huyện Tây Sơn											
	Thị trấn Phú Phong	3	1	1	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Tây Xuân	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Bình Tường	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Vĩnh An	3	1	1	5	2	1	3	5	3	5	6
	Xã Bình Thành	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Bình Hòa	3	1	2	5	2	1	3	5	3	5	6
	Xã Bình Thuận	3	1	1	5	0	1	3	5	3	5	6
	Xã Tây Phú	3	1	2	5	3	1	3	5	3	0	6
	Xã Bình Nghi	3	1	2	5	0	1	3	5	3	5	6
	Xã Tây An	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Xã Bình Tân	3	1	1	5	0	1	3	5	3	5	6
	Xã Tây Bình	3	1	1	5	0	1	3	5	3	5	6
	Xã Tây Vinh	3	1	1	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Tây Thuận	3	1	2	5	0	1	3	4	3	0	6
	Xã Tây Giang	3	1	2	5	3	1	3	4	3	0	6
7	Huyện Phù Cát											
	Thị trấn Ngô Mây	3	0	1	5	3	1	3	0	2	5	6
	Xã Cát Trinh	3	1	2	5	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Tân	3	0	1	5	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Tường	3	0	1	5	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Nhơn	3	0	1	5	3	1	3	0	3	0	6
	Xã Cát Hưng	3	0	1	3	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Thắng	3	0	1	5	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Chánh	3	0	2	5	3	0	3	0	3	5	6
	Thị trấn Cát Tiến	3	0	1	3	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Hải	3	0	1	5	3	0	3	0	3	5	6
	Xã Cát Thành	3	0	1	5	3	1	3	0	3	0	6
	Xã Cát Khánh	3	0	1	5	3	0	3	0	2	5	6
	Xã Cát Minh	3	0	1	5	3	1	3	1	3	5	6
	Xã Cát Tài	3	0	1	5	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Hanh	3	1	2	5	3	1	3	0	3	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Xã Cát Hiệp	3	0	2	5	3	1	3	0	3	5	6
	Xã Cát Lâm	3	0	2	5	3	1	3	0	2	5	6
	Xã Cát Sơn	3	0	2	3	2	1	3	0	3	5	6
8	Huyện Phù Mỹ											
	Thị trấn Phù Mỹ	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Thị trấn Bình Dương	3	0,5	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Thọ	3	0,5	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Hiệp	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Chánh	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Đức	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Thành	3	0,5	2	5	3	1	2	4	3	0	6
	Xã Mỹ Thắng	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Châu	3	1	2	5	3	1	2	4	2,5	5	6
	Xã Mỹ Hòa	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Cát	3	1	2	3	2	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Lợi	3	1	2	3	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Trinh	3	1	2	5	2	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Tài	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Phong	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Chánh Tây	3	0,5	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Quang	3	0,5	2	5	3	1	2	4	3	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Xã Mỹ An	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
	Xã Mỹ Lộc	3	1	2	5	3	1	2	4	3	5	6
9	Thị xã Hoài Nhơn											
	Xã Hoài Châu Bắc	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Xã Hoài Hải	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Xã Hoài Phú	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Xã Hoài Sơn	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Xã Hoài Mỹ	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Xã Hoài Châu	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Tam Quan Nam	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Tam Quan	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Bồng Sơn	3	1	1	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Hoài Tân	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Hoài Hương	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Tam Quan Bắc	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Hoài Thanh Tây	3	1	2	5	3	1	4	4	3	5	6
	Phường Hoài Xuân	3	1	2	5	3	1	4	4	3	0	6
	Phường Hoài Đức	3	1	2	3	2	1	4	4	3	0	6
	Phường Hoài Hào	3	1	2	5	3	1	4	3	3	0	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Phường Hoài Thanh	3	1	1	3	3	1	4	4	3	5	6
10	Huyện Hoài Ân											
	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Thạnh	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Hảo Đông	3	1	1	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Hữu	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Tường Đông	3	1	2	5	2	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Hảo Tây	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Nghĩa	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Sơn	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Mỹ	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Tường Tây	3	1	2	5	3	1	3	5	3	5	6
	Xã Bok Tới	3	1	1	5	2	1	3	4	3	5	6
	Xã Đak Mang	3	1	2	5	2	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Phong	3	1	2	5	2	1	3	5	3	5	6
	Xã Ân Đức	3	1	2	5	2	1	3	5	3	0	6
	Xã Ân Tín	3	1	2	5	2	1	3	5	3	0	6
11	Huyện An Lão											
	Thị trấn An Lão	3	1	2	5	0	4	0	4	3	5	6
	Xã An Hòa	3	1	2	5	3	4	2	4	3	5	6
	Xã An Quang	3	1	1	5	0	4	2	4	2,5	5	6

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Xã An Vinh	3	1	1	5	0	4	2	4	2,5	5	6
	Xã An Nghĩa	3	1	2	5	0	4	2	4	3	5	6
	Xã An Tân	3	1	2	5	0	4	2	4	3	5	6
	Xã An Trung	3	1	1	5	0	4	2	4	2,5	5	5
	Xã An Dũng	3	1	1	5	0	4	2	4	2,5	5	6
	Xã An Hưng	3	1	2	5	0	4	2	4	3	5	6
	Xã An Toàn	3	0,5	2	3	0	4	0	3	3	5	6

III. Tổng hợp thông tin, số liệu về mức độ đạt điểm số, mức độ đạt chỉ tiêu đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Địa phương	Mức độ đạt điểm số						Mức độ đạt chỉ tiêu																	
		Số chỉ tiêu đạt điểm 0/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số xã, phường, thị trấn có dưới 05/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 05 đến dưới 10/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 10/20 chỉ tiêu trở lên đạt điểm dưới 50% điểm tối đa					
								Xã		Phường		Thị trấn		Xã		Phường		Thị trấn		Xã		Phường		Thị trấn	
Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Xã Phước An	0		0		16	80%																		
	Xã Phước Lộc	1	5%	1	5%	15	75%																		
	Xã Phước Thuận	0		0		12	60%																		
	Xã Phước Sơn	0		0		19	95%																		
	Xã Phước Hiệp	0		0		19	95%																		
	Xã Phước Nghĩa	0		0		19	95%																		
	Xã Phước Hưng	0		0		18	90%																		
	Xã Phước Quang	0		0		18	90%																		
	Xã Phước Hòa	0		0		13	65%																		
	Xã Phước Thắng	0		0		13	65%																		
4	Huyện Vân Canh							5	83,3%			1	100	0				0		0				0	
	Thị Trấn Vân Canh	2	10	0	0	13	65																		
	Xã Canh Vinh	0	0	0	0	12	60																		
	Xã Canh Hiền	2	10	0	0	14	70																		
	Xã Canh Hiệp	0	0	2	10	12	60																		
	Xã Canh Thuận	0	0	0	0	16	80																		
	Xã Canh Hòa	3	15	0	0	10	50																		
	Xã Canh Liên	1	5	0	0	14	70																		
5	Huyện Vĩnh Thạnh																								
	Thị trấn Vĩnh Thạnh	1	5%	1	5%	16	80%	0																	
	Xã Vĩnh Hiệp	1	5%	1	5%	18	90%	0	0%																
	Xã Vĩnh Sơn	2	10%	2	10%	13	65%	0	0%																

STT	Địa phương	Mức độ đạt điểm số						Mức độ đạt chỉ tiêu																	
		Số chỉ tiêu đạt điểm 0/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số xã, phường, thị trấn có dưới 05/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 05 đến dưới 10/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 10/20 chỉ tiêu trở lên đạt điểm dưới 50% điểm tối đa					
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Xã Vĩnh Hòa	1	5%	1	5%	17	85%	0	0%																
	Xã Vĩnh Kim	2	10%	2	10%	13	65%	0	0%																
	Xã Vĩnh Hảo	2	10%	2	10%	14	70%	0	0%																
	Xã Vĩnh Thịnh	1	5%	1	5%	18	90%	0	0%																
	Xã Vĩnh Quang	1	5%	1	5%	17	85%	0	0%																
	Xã Vĩnh Thuận	2	10%	2	10%	14	70%	0	0%																
6	Huyện Tây Sơn							7	50%	0		0		0		0		0		0		0		0	
	Thị trấn Phú Phong	0		0		16	80%																		
	Xã Tây Xuân	0		0		19	95%																		
	Xã Bình Tường	0		0		19	95%																		
	Xã Vĩnh An	0		0		15	75%																		
	Xã Bình Thành	0		0		15	75%																		
	Xã Bình Hòa	0		0		13	65%																		
	Xã Bình Thuận	1	5%	1	5%	14	70%																		
	Xã Tây Phú	1	5%	1	5%	17	85%																		
	Xã Bình Nghi	1	5%	1	5%	15	75%																		
	Xã Tây An	0	0%	0	0%	14	70%																		
	Xã Bình Tân	1	5%	1	5%	12	60%																		
	Xã Tây Bình	1	5%	1	5%	13	65%																		
	Xã Tây Vinh	0	0	0	0%	13	65%																		
	Xã Tây Thuận	2	10%	2	10%	12	60%																		
	Xã Tây Giang	1	5%	1	5%	11	55%																		
7	Huyện Phù Cát							0				0		0				0		0				0	

STT	Địa phương	Mức độ đạt điểm số						Mức độ đạt chỉ tiêu																	
		Số chỉ tiêu đạt điểm 0/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số xã, phường, thị trấn có dưới 05/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 05 đến dưới 10/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 10/20 chỉ tiêu trở lên đạt điểm dưới 50% điểm tối đa					
								Xã		Phường		Thị trấn		Xã		Phường		Thị trấn		Xã		Phường		Thị trấn	
								Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Thị trấn Ngô Mây	0	0%	0	0%	12	60%																		
	Xã Cát Trinh	0	0%	0	0%	16	80%																		
	Xã Cát Tân	0	0%	0	0%	13	65%																		
	Xã Cát Tường	0	0%	0	0%	13	65%																		
	Xã Cát Nhon	1	5%	0	0%	11	55%																		
	Xã Cát Hưng	0	0%	0	0%	14	70%																		
	Xã Cát Thắng	0	0%	0	0%	10	50%																		
	Xã Cát Chánh	0	0%	0	0%	16	80%																		
	Thị trấn Cát Tiến	0	0%	0	0%	9	45%																		
	Xã Cát Hải	0	0%	0	0%	13	65%																		
	Xã Cát Thành	1	5%	0	0%	14	70%																		
	Xã Cát Khánh	0	0%	0	0%	12	60%																		
	Xã Cát Minh	0	0%	0	0%	15	75%																		
	Xã Cát Tài	0	0%	0	0%	14	70%																		
	Xã Cát Hanh	0	0%	0	0%	16	80%																		
	Xã Cát Hiệp	0	0%	0	0%	15	75%																		
	Xã Cát Lâm	0	0%	0	0%	15	75%																		
	Xã Cát Sơn	0	0%	0	0%	9	45%																		
8	Huyện Phù Mỹ																								
	Thị trấn Phù Mỹ	0		0		19	95%																		
	Thị trấn Bình Dương	0		0		18	90%																		
	Xã Mỹ Thọ	0		0		20	100%																		

[illegible]

[illegible]

[illegible]